

**CONG TY CO PHAN THUY SAN GENTRACO**

Số 72 Nguyễn Thái Học, Phường Thốt Nốt, Quận Thốt Nốt, Thành Phố Cần Thơ

Tel: 0710 3611 366 Fax: 0710 3611 556

---



# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **QUÝ 1 NĂM 2012**

20/04/2012

## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>1. Mục lục</b>	<b>1</b>
<b>2. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 03 năm 2012</b>	<b>2 - 5</b>
<b>3. Báo cáo kết quả kinh doanh Quý 1 năm 2012</b>	<b>6 - 7</b>
<b>4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Quý 1 năm 2012</b>	<b>8 - 9</b>
<b>5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2012</b>	<b>10 - 23</b>
 <b>PHỤ LỤC</b>	
- Phụ lục 1: Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	24
- Phụ lục 2: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu	25

\*\*\*\*\*

**DN - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>588,144,297,477</b>	<b>634,026,018,078</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>22,484,039,868</b>	<b>3,040,743,896</b>
1. Tiền	111	V.1	22,484,039,868	3,040,743,896
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>134,088,500</b>	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	134,088,500	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129	V.2	-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>425,660,235,716</b>	<b>465,000,235,936</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	173,993,483,993	200,480,660,390
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	150,067,688,229	166,118,890,030
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	105,190,452,958	101,992,074,980
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(3,591,389,464)	(3,591,389,464)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>133,709,814,859</b>	<b>156,463,051,438</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	133,709,814,859	156,463,051,438
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6,156,118,534</b>	<b>9,521,986,808</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	602,585,499	676,048,190
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	2,511,743,240
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.16	2,078,243,070	2,078,243,070
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	3,475,289,965	4,255,952,308

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, P. Thốt Nốt, Q. Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

Tel: 0710. 3611366 Fax: 0710. 3611556

**Bảng cân đối kế toán Quý I năm 2012 (tiếp theo)****BÁO CÁO TÀI CHÍNH****QUÝ I NĂM TÀI CHÍNH 2012**

Mẫu số: Q-01d

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>147,596,231,726</b>	<b>146,068,622,254</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>103,816,552,107</b>	<b>102,783,582,427</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	20,589,007,733	20,664,792,918
- Nguyên giá	222		30,141,864,426	29,586,864,426
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(9,552,856,693)	(8,922,071,508)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	81,344,578,151	81,599,244,257
- Nguyên giá	228		83,433,745,910	83,433,745,910
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(2,089,167,759)	(1,834,501,653)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	1,882,966,223	519,545,252
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>42,400,000,000</b>	<b>42,400,000,000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		15,500,000,000	15,500,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		19,600,000,000	19,600,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		7,300,000,000	7,300,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1,379,679,619</b>	<b>885,039,827</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	1,379,679,619	885,039,827
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>735,740,529,203</b>	<b>780,094,640,332</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN GENTRACO**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, P. Thốt Nốt, Q. Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

Tel: 0710. 3611366 Fax: 0710. 3611556

**Bảng cân đối kế toán Quý I năm 2012 (tiếp theo)****BÁO CÁO TÀI CHÍNH****QUÝ I NĂM TÀI CHÍNH 2012**

Mẫu số: Q-01d

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)</b>	<b>300</b>		<b>670,944,681,096</b>	<b>700,258,468,590</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>670,283,518,596</b>	<b>699,547,993,590</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	420,010,046,714	385,013,577,077
2. Phải trả người bán	312	V.14	91,162,942,389	195,277,224,537
3. Người mua trả tiền trước	313	V.15	156,017,528,916	117,175,485,984
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	1,768,499,191	28,343,563
5. Phải trả người lao động	315		323,141,101	-
6. Chi phí phải trả	316		-	898,156,070
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	768,768,040	892,614,114
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.18	232,592,245	262,592,245
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>661,162,500</b>	<b>710,475,000</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.19	318,750,000	318,750,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		342,412,500	391,725,000
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)</b>	<b>400</b>		<b>64,795,848,107</b>	<b>79,836,171,742</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>64,795,848,107</b>	<b>79,836,171,742</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.20	84,800,000,000	84,800,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.20	106,540,779	106,540,779
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.20	(20,110,692,672)	(5,070,369,037)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>	<b>440</b>		<b>735,740,529,203</b>	<b>780,094,640,332</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN GENTRACO**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, P. Thốt Nốt, Q. Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

Tel: 0710. 3611366 Fax: 0710. 3611556

**Bảng cân đối kế toán Quý I năm 2012 (tiếp theo)****BÁO CÁO TÀI CHÍNH****QUÝ I NĂM TÀI CHÍNH 2012**

Mẫu số: Q-01d

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
1. Tài sản thuê ngoài	01		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	02		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	03		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	04		-	-
5. Ngoại tệ các loại:	05			
Dollar Mỹ (USD)		V.1	8,135.81	93,129.34
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	06		-	-

Cần Thơ, ngày 20 tháng 04 năm 2012

---

**Lê Thị Kim Thắm**  
Người lập biểu

---

**Lý Anh Thư**  
Kế toán trưởng

---

**Lê Quang Tâm**  
Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN GENTRACO**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, P. Thốt Nốt, Q. Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

Tel: 0710. 3611366 Fax: 0710. 3611556

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
QUÝ I NĂM TÀI CHÍNH 2012**

Mẫu số: Q-02d

**DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH - QUÝ**

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý I năm 2012	Quý I năm 2011	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 1/2012	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 1/2011
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	228,534,161,706	292,026,998,180	228,534,161,706	292,026,998,180
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	14,182,381	-	14,182,381	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>VI.1</b>	<b>228,519,979,325</b>	<b>292,026,998,180</b>	<b>228,519,979,325</b>	<b>292,026,998,180</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	232,355,204,759	265,123,531,961	232,355,204,759	265,123,531,961
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>(3,835,225,434)</b>	<b>26,903,466,219</b>	<b>(3,835,225,434)</b>	<b>26,903,466,219</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	13,171,597,754	7,323,961,552	13,171,597,754	7,323,961,552
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	18,901,730,225	21,069,377,029	18,901,730,225	21,069,377,029
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23	VI.4	<i>18,192,847,772</i>	<i>17,838,150,582</i>	<i>18,192,847,772</i>	<i>17,838,150,582</i>
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	4,038,396,076	2,577,027,733	4,038,396,076	2,577,027,733
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	2,168,756,131	1,587,334,728	2,168,756,131	1,587,334,728
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24-25)</b>	<b>30</b>		<b>(15,772,510,112)</b>	<b>8,993,688,281</b>	<b>(15,772,510,112)</b>	<b>8,993,688,281</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1,795,736,456	154,147,363	1,795,736,456	154,147,363
12. Chi phí khác	32	VI.8	1,063,549,979	-	1,063,549,979	-
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>732,186,477</b>	<b>154,147,363</b>	<b>732,186,477</b>	<b>154,147,363</b>
14. Phần lãi lỗ trong Công ty liên doanh liên kết	45		-	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN GENTRACO**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, P. Thốt Nốt, Q. Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

Tel: 0710. 3611366 Fax: 0710. 3611556

**Báo cáo kết quả kinh doanh (tiếp theo)****BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
QUÝ I NĂM TÀI CHÍNH 2012**

Mẫu số: Q-02d

CHỈ TIÊU	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý I năm 2012	Quý I năm 2011	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 1/2012	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 1/2011
1	2	3	4	5	6	7
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50	V.20	(15,040,323,635)	9,147,835,644	(15,040,323,635)	9,147,835,644
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16		2,078,243,070	-	2,078,243,070
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(15,040,323,635)	7,069,592,574	(15,040,323,635)	7,069,592,574
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.9	(1,773.62)	874.95	(1,773.62)	874.95

Cần Thơ, ngày 20 tháng 04 năm 2012

\_\_\_\_\_  
Lê Thị Kim Thắm  
Người lập biểu

\_\_\_\_\_  
Lý Anh Thư  
Kế toán trưởng

\_\_\_\_\_  
Lê Quang Tâm  
Giám đốc

Ghi chú: (\*) Chỉ tiêu này chỉ áp dụng đối với công ty cổ phần



**DN - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPGT - QUÝ**

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 1/2012	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 1/2011
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>		<i>(15,040,323,635)</i>	<i>9,147,835,644</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
- Khấu hao tài sản cố định	02		885,451,291	1,229,469,066
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	(369,954,641)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	(6,663,119,853)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	18,192,847,772	17,599,045,588
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>		<i>4,037,975,428</i>	<i>20,943,275,804</i>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		43,034,479,387	34,768,889,666
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		22,753,236,579	2,269,958,181
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(64,280,257,131)	(46,277,178,745)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(421,177,101)	(278,326,676)
- Tiền lãi vay đã trả	13	VI.4	(18,192,847,772)	(17,599,045,588)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.16	-	(61,478,026)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		33,289,850,282	2,635,624,831
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(33,721,923,866)	(4,279,201,735)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(13,500,664,194)</b>	<b>(7,877,482,288)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1,918,420,971)	(2,934,057,241)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(134,088,500)	
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	5,091,119,853
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(2,052,509,471)</b>	<b>2,157,062,612</b>

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN GENTRACO**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, P. Thốt Nốt, Q. Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

Tel: 0710. 3611366 Fax: 0710. 3611556

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
QUÝ I NĂM TÀI CHÍNH 2012**

Mẫu số: Q-03d

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã chỉ tiêu</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 1/2011</b>	<b>Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 1/2010</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.13	352,196,840,505	280,844,186,011
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.13	(317,200,370,868)	(274,642,917,030)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>34,996,469,637</b>	<b>6,201,268,981</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>19,443,295,972</b>	<b>480,849,305</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	V.1	3,040,743,896	<b>6,723,539,798</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	154,875,342
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	V.1	<b>22,484,039,868</b>	<b>7,359,264,445</b>

Cần Thơ, ngày 20 tháng 04 năm 2012

---

**Lê Thị Kim Thắm**  
 Người lập biểu

---

**Lý Anh Thư**  
 Kế toán trưởng

---

**Lê Quang Tâm**  
 Giám đốc

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** **Quý I năm 2012**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, thương mại .
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Thu mua, xay xát, chế biến, kinh doanh hàng nông sản, lương thực, thực phẩm các loại. Kinh doanh, xuất nhập khẩu nông sản, nguyên liệu thức ăn gia súc, thủy hải sản. Sản xuất và kinh doanh gạo và các chế phẩm từ gạo. Kinh doanh, chế biến thức ăn thủy sản, thủy hải sản các loại. Kinh doanh, đại lý thức ăn gia súc và các sản phẩm phục vụ chăn nuôi. Nuôi trồng thủy sản, sản xuất và kinh doanh cá giống. Xuất nhập khẩu các sản phẩm thủy hải sản nguyên liệu và thương phẩm. Kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm gỗ. Kinh doanh, nhập khẩu gỗ. Kinh doanh, nhập khẩu hạt nhựa và các chế phẩm từ dầu mỏ. Kinh doanh vật liệu xây dựng, hàng tiêu dùng. Kinh doanh thuốc thú y thủy sản. Tư vấn xét nghiệm, kinh doanh chất phụ gia phục vụ sản xuất thức ăn chăn nuôi. Dịch vụ vận chuyển giao nhận hàng hóa. Kinh doanh bất động sản, vật liệu xây dựng. Cho thuê kho bãi.

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

- 1. Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

- 1. Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**  
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
- 3. Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty sử dụng hình thức Nhật ký chung; ghi chép trên phần mềm máy vi tính.

#### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền)

##### **2. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

##### **3. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

##### **4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

##### **5. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 40
Máy móc và thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 - 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10
Tài sản cố định khác	5 - 10

**6. Tài sản cố định vô hình**

***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Công ty trích khấu hao Quyền sử dụng đất có thời hạn với thời gian ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**7. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

**8. Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

Khi bán chứng khoán, giá vốn của chứng khoán bán ra được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

**9. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

**10. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo vốn điều lệ mà các cổ đông đã đầu tư.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

## **11. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

## **12. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản nợ dài hạn được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

## **13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

### ***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/03/2011 (VNĐ)</b>	<b>31/12/2011 (VNĐ)</b>
Tiền mặt	35.469.597	74.460.312
Tiền gửi ngân hàng (*)	22.448.570.271	2.966.283.584
<b>Cộng</b>	<b>22.484.039.868</b>	<b>3.040.743.896</b>

\* Tiền hàng khách hàng chuyển về cuối ngày 30/03/2012

**2. Đầu tư ngắn**

	<b>Trái phiếu đầu tư ngắn hạn</b>	
	<b>Số lượng</b>	<b>Giá trị (VNĐ)</b>
- <i>Cổ phiếu ngân hàng Đầu Tư &amp; Phát Triển Cần Thơ</i>	7.221	134.088.500
<b>Cộng</b>	<b>7.221</b>	<b>134.088.500</b>

**3. Phải thu khách hàng**

	<b>31/03/2012 (VNĐ)</b>	<b>31/12/2011 (VNĐ)</b>
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy Sản Cửu Long	3.077.245.600	-
CTy CP Phân Bón Và Hóa Chất Cần Thơ	1.058.644.125	-
Công Ty Cổ Phần Gò Đàng	2.103.774.397	-
Doanh Nghiệp Tư Nhân Thanh Nhân	2.496.895.000	1.139.531.100
Công ty Cổ phần GreenFeed Việt Nam	5.502.139.730	38.079.800
Chi nhánh Công Ty CP CB Thủy hải sản Hiệp Thanh-XN chế biến thức ăn chăn nuôi	5.527.705.050	696.024.000
Công Ty TNHH Hai Thành Viên Hải Sản 404	1.101.137.492	2.601.137.492
Công Ty TNHH Hiệp Tài	1.537.500.000	-
Công Ty CP DoMeNal	2.911.961.500	-
Công Ty TNHH Hùng Cá	3.283.042.600	-
Công Ty TNHH Nông Nghiệp EH Việt Nam	2.481.967.600	-
Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Nhơn Mỹ	119.122.385.171	100.207.176.414
Các khách hàng khác	23.789.085.728	95.798.711.584
<b>Cộng</b>	<b>173.993.483.993</b>	<b>200.480.660.390</b>

**4. Trả trước cho người bán**

	<b>31/03/2012 (VNĐ)</b>	<b>31/12/2011 (VNĐ)</b>
- <i>Công Ty Cổ Phần Việt Ánh</i>	77.712.000.000	73.488.000.000
- <i>Doanh Nghiệp Tư Nhân Liên Hiệp</i>	4.671.000.000	4.671.000.000
- <i>Trần Văn Sang</i>	35.944.880.419	35.944.880.419
- <i>Công Ty Cổ Phần KL</i>	19.682.381.512	-
- <i>Cty TNHH Đầu Tư &amp; CB LT Thiên Ngọc</i>	4.763.000.000	4.763.000.000

	<b>31/03/2012 (VNĐ)</b>	<b>31/12/2011 (VNĐ)</b>
- Công ty TNHH MTV Farmila	627.988.000	627.988.000
- Công ty TNHH XD Văng Lang	2.000.000.000	2.000.000.000
- Các nhà cung cấp khác	4.666.438.298	44.624.021.611
<b>Cộng</b>	<b>150.067.688.229</b>	<b>166.118.890.030</b>

**5. Các khoản phải thu khác**

	<b>31/03/2012 (VNĐ)</b>	<b>31/12/2011 (VNĐ)</b>
Vay hộ cho Nhân viên để mua cổ phiếu của Công ty	2.234.130.373	2.207.713.324
Phải thu tiền bán trái phiếu chuyển đổi cho Công ty cổ phần Việt Ánh	93.000.000.000	93.000.000.000
Phải thu tiền bồi thường hao hụt đã xử lý	184.211.118	185.211.118
Tạm ứng cho cán bộ quản lý mua cổ phiếu	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty cổ phần thủy sản Nhơn Mỹ - ứng vốn	2.615.024.023	2.198.562.125
Công ty cổ phần cáng Đồng Bằng - ứng vốn	233.764.469	232.711.872
Dự Án GCF- DV Chẩn Đoán Bệnh Cá Tra & TA Trộn Thuốc Thú Y	824.116.434	-
Huỳnh Văn Nhu	2.000.000.000	-
Các khoản phải thu khác	99.206.541	167.876.541
<b>Cộng</b>	<b>105.190.452.958</b>	<b>101.992.074.980</b>

**6. Hàng tồn kho**

	<b>31/03/2012 (VNĐ)</b>	<b>31/12/2011 (VNĐ)</b>
Hàng mua đang đi trên đường	39.911.736.171	69.253.087.484
Nguyên liệu, vật liệu	5.657.996.803	4.113.738.575
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	54.208.888.372	50.382.348.612
Thành phẩm	16.415.887.954	20.192.202.669
Hàng hóa	17.515.305.559	12.521.674.098
<b>Cộng</b>	<b>133.709.814.859</b>	<b>156.463.051.438</b>

Một số nguyên vật liệu, hàng hóa đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng. Xem thuyết minh V.13

**7. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>31/03/2012 (VNĐ)</b>	<b>31/12/2011 (VNĐ)</b>
Công cụ, dụng cụ	145.287.354	148.234.371
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	457.298.145	527.813.819
<b>Cộng</b>	<b>602.585.499</b>	<b>676.048.190</b>

**8. Tài sản ngắn hạn khác**

	<b>31/03/2012 (VNĐ)</b>	<b>31/12/2011 (VNĐ)</b>
Tạm ứng	832.514.815	990.758.031
Tài sản thiếu chờ xử lý	274.131.129	494.477.089
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.368.644.021	2.770.717.188
<b>Cộng</b>	<b>3.475.289.965</b>	<b>4.255.952.308</b>

**9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình xem Phụ lục 01 đính kèm.



**10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Phần mềm máy tính</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	83.413.745.910	20.000.000	83.433.745.910
Mua trong năm		-	
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành		-	
Giảm do góp vốn		-	
<b>Số cuối năm</b>	<b>83.413.745.910</b>	<b>20.000.000</b>	<b>83.433.745.910</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	1.829.834.990	4.666.663	1.834.501.653
Khấu hao trong năm	253.666.107	999.999	254.666.106
Giảm do góp vốn			
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.083.501.097</b>	<b>5.666.662</b>	<b>2.089.167.759</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	81.583.910.920	15.333.337	81.599.244.257
<b>Số cuối năm</b>	<b>81.330.244.813</b>	<b>14.333.338</b>	<b>81.344.578.151</b>

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Số đầu năm</b>	<b>Chi phí phát sinh trong kỳ</b>	<b>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</b>	<b>Số cuối kỳ</b>
Mua sắm TSCĐ	152.235.000	555.000.000	(555.000.000)	152.235.000
XDCB dở dang	338.860.848	1.363.420.971	-	1.702.281.819
Sửa chữa lớn TSCĐ	28.449.404	-	-	28.449.404
<b>Cộng</b>	<b>519.545.252</b>	<b>1.918.420.971</b>	<b>(555.000.000)</b>	<b>1.882.966.223</b>

**12. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Số đầu năm</b>	<b>Tăng trong kỳ</b>	<b>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ</b>	<b>Số cuối kỳ</b>
Công cụ, dụng cụ	487.867.283	7.000.000	(32.508.513)	462.358.770
Tiền thuê đất của Chi nhánh An Giang	147.093.333	-	(2.903.158)	144.190.175
Tiền thuê đất của CN Cá Giồng & dịch vụ thú y thủy sản	148.000.000	-	(9.500.000)	138.500.000
Tiền thuê đất nuôi cá của CN cá giống & dịch vụ thú y thủy sản		588.000.000	(45.230.769)	542.769.231
Chi phí trả trước dài hạn khác	102.079.211	-	(10.217.768)	91.861.443
<b>Cộng</b>	<b>885.039.827</b>	<b>595.000.000</b>	<b>(100.360.208)</b>	<b>1.379.679.619</b>

**13. Vay và nợ ngắn hạn**

	<b>31/03/2012 (VNĐ)</b>	<b>31/12/2011 (VNĐ)</b>
Vay ngắn hạn ngân hàng	419.585.046.714	384.588.577.077
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Hàng Hải Việt</i>	<i>64.928.883.133</i>	<i>37.999.246.392</i>

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<b>31/03/2012 (VNĐ)</b>	<b>31/12/2011 (VNĐ)</b>
<i>Nam – Chi nhánh Cần Thơ<sup>(a)</sup></i>		
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh Cần Thơ<sup>(b)</sup></i>	340.447.825.081	331.098.433.094
<i>Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam – Phòng giao dịch Thốt Nốt<sup>(c)</sup></i>	14.208.338.500	13.549.897.591
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Cần Thơ<sup>(d)</sup></i>	-	1.941.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.26)	425.000.000	425.000.000
<b>Cộng</b>	<b>420.010.046.714</b>	<b>385.013.577.077</b>

- (a) Khoản vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng Hải - Chi nhánh Cần thơ để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nguyên liệu, hàng hóa trị giá 100 tỷ.
- (b) Khoản vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Hà Nội để bổ sung vốn lưu động kinh doanh các mặt hàng nông sản, nguyên liệu thức ăn gia súc và thủy hải sản các loại, chăn nuôi cá tra xuất khẩu... Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nguyên liệu, hàng hóa tồn kho luân chuyển trị giá 300 tỷ.
- (c) Khoản vay Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – PGD Thốt Nốt để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản, hạn mức tín dụng là 30 tỷ.

Chi tiết các khoản vay và nợ ngắn hạn phát sinh trong kỳ như sau:

	<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>Cộng</b>
Số đầu kỳ	384.588.577.077	425.000.000	385.013.577.077
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	352.196.840.505	-	352.196.840.505
Số kết chuyển từ vay dài hạn	-	-	-
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(317.200.370.868)	-	(317.200.370.868)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>419.585.046.714</b>	<b>425.000.000</b>	<b>420.010.046.714</b>

**14. Phải trả người bán**

	<u>31/03/2012 (VNĐ)</u>	<u>31/12/2011 (VNĐ)</u>
Người bán trong nước	87.563.040.450	195.277.224.537
- Công ty cổ phần Gentraco	37.687.577.937	86.822.519.889
- Công ty cổ phần Việt Ánh	10.041.569.825	22.363.370.025
- Công ty TNHH một thành viên Gạo Việt	1.480.580.728	30.138.841.038
- Công ty cổ phần chế biến thủy hải sản Hiệp Thanh	5.431.586.370	11.041.674.000
- Công Ty TNHH Hai Thành Viên Hải Sản 404	1.063.137.671	449.266.969
- Công ty cổ phần Geenfeed Việt Nam	10.725.197.451	9.999.785.394
- Doanh Nghiệp Tư Nhân Thanh Nhân	2.944.545.974	2.185.239.900
- Xi nghiệp sản xuất thức ăn thủy sản Anfoodco		
- Công ty lương thực thực phẩm An Giang	4.368.450.000	6.932.900.000
- Công Ty TNHH Xây Dựng Văng Lang	1.499.763.070	-
- Công ty TNHH Hiệp Tài	1.650.326.738	-
- Công ty cổ phần Pallet Vina	2.263.407.300	2.263.407.300
- Các nhà cung cấp khác	8.406.897.386	23.080.220.022
Người bán nước ngoài	3.599.901.939	-
SOJITZ ASIA PTE LTD	3.599.901.939	-
<b>Cộng</b>	<b><u>91.162.942.389</u></b>	<b><u>195.277.224.537</u></b>

**15. Người mua trả tiền trước**

	<u>31/03/2012 (VNĐ)</u>	<u>31/12/2011 (VNĐ)</u>
Công ty cổ phần Gentraco	63.086.836.667	45.782.166.667
Công ty cổ phần Việt Ánh	65.217.397.600	65.217.397.600
Công Ty Cổ Phần KL	19.698.000.000	-
Ông Huỳnh Thanh Quân	309.000.000	190.000.000
Các khách hàng khác	7.706.294.649	5.985.921.717
<b>Cộng</b>	<b><u>156.017.528.916</u></b>	<b><u>117.175.485.984</u></b>

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	1.761.821.713	-	1.761.821.713
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.098.156.701	(1.098.156.701)	-
Thuế nhập khẩu	-	273.296.581	(273.296.581)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	(2.078.243.070)	-	-	(2.078.243.070)
Thuế thu nhập cá nhân	28.343.563	24.841.788	(46.507.873)	6.677.478
Các loại thuế khác	-	15.928.500	(15.928.500)	-
<b>Cộng</b>	<b><u>(2.049.899.507)</u></b>	<b><u>3.174.045.283</u></b>	<b><u>(1.433.889.655)</u></b>	<b><u>(309.743.879)</u></b>

\* Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản phải thu nhà nước.

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Bã đậu nành, gạo và các phụ phẩm	5%
- Thuốc thú y và các dịch vụ	10%

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty được hưởng ưu đãi đầu tư theo hướng dẫn tại Công văn số 1001/CT-TTHT ngày 07 tháng 5 năm 2008 của Cục Thuế Thành phố Cần Thơ, cụ thể:

- a)** Đối với lĩnh vực đầu tư tại địa bàn tỉnh Đăk Nông và huyện An Phú tỉnh An Giang được hưởng các ưu đãi như sau:
- o Thuế suất thuế TNDN 10% áp dụng trong thời gian 15 năm, kể từ khi Công ty bắt đầu hoạt động.
  - o Miễn thuế TNDN 04 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 09 năm tiếp theo.

- b)** Đối với các lĩnh vực đầu tư tại địa bàn Quận Thốt Nốt, TP Cần Thơ:

Đối với các lĩnh vực đầu tư: xay xát, chế biến nông sản, lương thực, thực phẩm các loại; sản xuất gạo và các chế phẩm từ gạo; chế biến thức ăn thủy sản, thủy hải sản các loại; sản xuất cá giống được hưởng các ưu đãi về thuế TNDN, gồm:

- o Thuế suất thuế TNDN 20% áp dụng trong thời gian 10 năm kể từ khi công ty bắt đầu hoạt động
- o Được miễn thuế TNDN 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 03 năm tiếp theo

Đối với lĩnh vực đầu tư: nuôi trồng thủy sản được miễn thuế TNDN 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 02 năm tiếp theo.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Quý 1/2012</u>	<u>Quý 1/2011</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(15.040.323.635)	9.147.835.644
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	834.863.365
Tổng thu nhập chịu thuế	(15.040.323.635)	8.312.972.279
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp</b>	<b>-</b>	<b>2.078.243.070</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>2.078.243.070</b>

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>31/03/2012 (VNĐ)</u>	<u>31/12/2011 (VNĐ)</u>
Kinh phí công đoàn	412.675.887	487.363.150
Cổ tức phải trả	296.597.700	319.030.650
Tài sản thừa chờ xử lý	-	37.400.352
Các khoản phải trả khác	59.494.453	48.819.962
<b>Cộng</b>	<b>768.768.040</b>	<b>892.614.114</b>

**18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<b>Số đầu năm</b>	<b>Số trích lập từ lợi nhuận trong kỳ</b>	<b>Số chi quỹ trong kỳ</b>	<b>Số cuối kỳ</b>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	219.975.933	-	(30.000.000)	189.975.933
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	42.616.312	-	-	42.616.312
<b>Cộng</b>	<b>262.592.245</b>	<b>-</b>	<b>(30.000.000)</b>	<b>232.592.245</b>

**19. Vay và nợ dài hạn**

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn đầu tư dự án nuôi cá tra giống và đầu tư vào kho nguyên liệu thức ăn thủy sản. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất trị giá 12.150.000.000 VND.

Chi tiết phát sinh trong năm của khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh Cần Thơ như sau:

Số đầu kỳ	318.750.000
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	-
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>318.750.000</b>

**Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn**

Từ 1 năm trở xuống	425.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	318.750.000
Trên 5 năm	-
<b>Tổng nợ</b>	<b>743.750.000</b>

**20. Vốn chủ sở hữu**

**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

**Mục đích trích lập quỹ dự phòng tài chính**

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Quý 1/2012</u>	<u>Quý 1/2011</u>
<i>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>	<b>228.534.161.706</b>	<b>292.026.998.180</b>
Doanh thu bán hàng hóa	201.117.350.248	196.377.824.268
Doanh thu bán thành phẩm	27.416.811.458	95.649.173.912
<i>Các khoản giảm trừ doanh thu</i>	14.182.381	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>228.519.979.325</b>	<b>292.026.998.180</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Quý 1/2012</u>	<u>Quý 1/2011</u>
Giá vốn bán hàng hóa	204.478.259.999	178.286.195.089
Giá vốn bán hàng thành phẩm	27.876.944.760	86.837.336.872
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>232.355.204.759</b>	<b>265.123.531.961</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Quý 1/2012</u>	<u>Quý 1/2011</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	118.521.367	30.301.497
Lãi do chênh lệch tỷ giá ngoại tệ	27.400.000	492.461.053
Lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu	-	1.572.000.000
Thu nhập về hoạt động đầu tư chứng khoán dài hạn	-	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Lãi bán hàng trả chậm	7.067.282.830	5.091.119.853
Chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá	1.348.329.574	65.223.646
Thu nhập về hoạt động đầu tư khác	4.610.063.983	-
Thu lãi tiền vay cá nhân	-	72.855.503
<b>Cộng</b>	<b>13.171.597.754</b>	<b>7.323.961.552</b>

**4. Chi phí tài chính**

	<u>Quý 1/2012</u>	<u>Quý 1/2011</u>
Khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ	708.882.453	3.231.226.447
Chi phí lãi vay phải trả ngân hàng và các tổ chức khác	18.192.847.772	17.838.150.582
Khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá do đánh giá các tài khoản tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	-
Phí tư vấn đảm bảo tài sản thế chấp	-	-
<b>Cộng</b>	<b>18.901.730.225</b>	<b>21.069.377.029</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Quý 1/2012</u>	<u>Quý 1/2011</u>
Chi phí nhân viên	708.218.587	449.984.990

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Chi phí dụng cụ, đồ dùng	52.589.474	68.027.587
Chi phí khấu hao tài sản cố định	369.758.832	178.407.699
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.751.889.999	1.778.495.390
Chi phí bằng tiền khác	155.939.184	102.112.067
<b>Cộng</b>	<b>4.038.396.076</b>	<b>2.577.027.733</b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
	<b>Quý 1/2012</b>	<b>Quý 1/2011</b>
Chi phí nhân viên quản lý	725.476.388	445.814.164
Chi phí đồ dùng văn phòng	278.131.769	172.982.888
Chi phí khấu hao tài sản cố định	227.282.428	67.240.725
Thuế, phí và lệ phí	7.964.040	15.868.513
Chi phí dự phòng	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	209.190.932	128.883.657
Chi phí bằng tiền khác	720.710.574	756.544.781
<b>Cộng</b>	<b>2.168.756.131</b>	<b>1.587.334.728</b>
<b>7. Thu nhập khác</b>		
	<b>Quý 1/2012</b>	<b>Quý 1/2011</b>
Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng	127.092.456	-
Thu nhập từ bán bao bì, vật rẻ, dịch vụ giao nhận	1.668.644.000	154.147.363
<b>Cộng</b>	<b>1.795.736.456</b>	<b>154.147.363</b>
<b>8. Chi Phí khác</b>		
	<b>Quý 1/2012</b>	<b>Quý 1/2011</b>
Giá trị tương ứng với dịch vụ giao nhận	1.063.508.361	-
Chậm nộp thuế	41.618	-
<b>Cộng</b>	<b>1.063.549.979</b>	<b>-</b>
<b>9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
	<b>Quý 1/2012</b>	<b>Quý 1/2011</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(15.040.323.635)	7.069.592.574
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	7.069.592.574
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	8.480.000	8.080.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(1.774)</b>	<b>874,95</b>

---

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính

**2. Số liệu so sánh**

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn (A&C)

Cần Thơ, ngày 20 tháng 04 năm 2012

---

**Lê Thị Kim Thắm**  
Người lập biểu

---

**Lý Anh Thư**  
Kế toán trưởng

---

**Lê Quang Tâm**  
Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN GENTRACO**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

**Phụ lục 01: Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình****BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
QUÝ I NĂM TÀI CHÍNH 2012**

Đơn vị tính: VND

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc và thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình khác</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	18,410,706,515	7,105,529,182	3,504,769,146	296,112,482	269,747,101	29,586,864,426
Mua sắm mới			555,000,000			555,000,000
Đầu tư XD/CB hoàn thành						-
Thanh lý, nhượng bán						-
<b>Số cuối năm</b>	<b>18,410,706,515</b>	<b>7,105,529,182</b>	<b>4,059,769,146</b>	<b>296,112,482</b>	<b>269,747,101</b>	<b>30,141,864,426</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	5,390,944,339	2,679,612,572	577,208,286	199,160,830	75,145,481	8,922,071,508
Khấu hao trong năm	389,041,983	189,019,888	35,612,427	15,350,778	1,760,109	630,785,185
Thanh lý, nhượng bán						-
<b>Số cuối năm</b>	<b>5,779,986,322</b>	<b>2,868,632,460</b>	<b>612,820,713</b>	<b>214,511,608</b>	<b>76,905,590</b>	<b>9,552,856,693</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	13,019,762,176	4,425,916,610	2,927,560,860	96,951,652	194,601,620	20,664,792,918
<b>Số cuối năm</b>	<b>12,630,720,193</b>	<b>4,236,896,722</b>	<b>3,446,948,433</b>	<b>81,600,874</b>	<b>192,841,511</b>	<b>20,589,007,733</b>

Cần Thơ, ngày 20 tháng 04 năm 2012

---

**Lê Thị Kim Thắm**  
 Người lập biểu

---

**Lý Anh Thư**  
 Kế toán trưởng

---

**Lê Quang Tâm**  
 Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ SẢN GENTRACO**

Địa chỉ: 72 Nguyễn Thái Học, P. Thốt Nốt, Q. Thốt Nốt, TP. Cần Thơ

Tel: 0710. 3611366 Fax: 0710. 3611556

**Phụ lục 2: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu****BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
QUÝ I NĂM TÀI CHÍNH 2012**

Đơn vị tính: VND

	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Vốn khác của chủ sở hữu</b>	<b>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>Cộng</b>
Số dư đầu năm trước	84,800,000,000	-	-	106,540,779	8,603,314,990	93,509,855,769
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	(5,199,020,368)	(5,199,020,368)
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	-	(305,748,315)	(305,748,315)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	(8,168,915,344)	(8,168,915,344)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá năm trước	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>84,800,000,000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>106,540,779</b>	<b>(5,070,369,037)</b>	<b>79,836,171,742</b>
Số dư đầu kỳ này	84,800,000,000	-	-	106,540,779	(5,070,369,037)	79,836,171,742
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	(15,040,323,635)	(15,040,323,635)
Trích lập các quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá năm trước	-	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>84,800,000,000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>106,540,779</b>	<b>(20,110,692,672)</b>	<b>64,795,848,107</b>

Cần Thơ, ngày 20 tháng 04 năm 2011

\_\_\_\_\_  
**Lê Thị Kim Thẩm**  
 Người lập biểu

\_\_\_\_\_  
**Lý Anh Thư**  
 Kế toán trưởng

\_\_\_\_\_  
**Lê Quang Tâm**  
 Giám đốc

Số: 118 /CV.GF/2012  
V/v: công bố thông tin quý 1/2012

Thốt Nốt, ngày 09 tháng 05 năm 2012

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Thủy sản Gentraco
2. Mã chứng khoán: GFC
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 72 Nguyễn Thái Học, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ
4. Điện thoại: 0710.3611366 Fax: 0710.3611556
5. Người thực hiện công bố thông tin: Lê Quang Tâm
6. Nội dung của thông tin công bố:
  - 6.1 Báo cáo tài chính quý I năm 2012 của Công ty Cổ phần Thủy sản Gentraco được lập ngày 20/04/2012 bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.
  - 6.2 Nội dung giải trình (chênh lệch 10%LNST so với cùng kỳ năm trước)

Stt	Nội dung	Quý 1/2012	Quý 1/2011	Thay đổi(%) giữa Quý 1/2012 so với Quý 1/2011
<b>1</b>	<b>Tổng doanh thu và thu nhập khác</b>	<b>243.487.313.535</b>	<b>299.505.107.095</b>	<b>-18,70</b>
	Doanh thu từ HĐKD chính	228.519.979.325	292.026.998.180	
	Doanh thu hoạt động tài chính	13.171.597.754	7.323.961.552	
	Thu nhập khác	1.795.736.456	154.147.363	
<b>2</b>	<b>Tổng chi phí</b>	<b>258.527.637.170</b>	<b>290.357.271.451</b>	<b>-10,96</b>
	Giá vốn hàng bán	232.355.204.759	265.123.531.961	
	Chi phí tài chính	18.901.730.225	21.069.377.029	
	Chi phí bán hàng	4.038.396.076	2.577.027.733	
	Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.168.756.131	1.587.334.728	
	Chi phí khác	1.063.549.979	-	
<b>3</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>(15.040.323.635)</b>	<b>9.147.835.644</b>	
<b>4</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>(15.040.323.635)</b>	<b>7.069.592.574</b>	<b>-213</b>



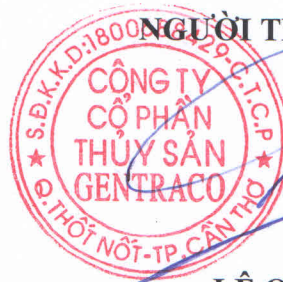
- Trong quý 1/2012, tổng doanh thu giảm 18,07% so với quý 1/2011, nguyên nhân là do tổng sản lượng hàng bán ra giảm 28,12% , giá bán các mặt hàng trong kỳ cũng không tăng, trong đó mặt hàng Bã đậu nành chiếm trọng lớn trong cơ cấu ngành hàng nhưng giá bán lại thấp hơn so với cùng kỳ dẫn đến doanh số giảm.
- Tổng chi phí quý 1/2012 giảm 10,96% so quý 1/2011 là do sản lượng giảm dẫn đến giá vốn hàng bán giảm tương ứng với sản lượng bán ra, tuy nhiên do giá đầu vào của các mặt hàng tăng so với cùng kỳ dẫn đến lợi nhuận gộp bị âm.
- Giá xăng dầu tăng đã tác động làm tăng giá các dịch vụ phục vụ công tác bán hàng tăng: dịch vụ bốc xếp, giao nhận, vận chuyển...
- Với các lý do trên, dẫn đến lợi nhuận quý 1/2012 giảm nhiều so với cùng kỳ.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: [www.gentracofeed.com.vn](http://www.gentracofeed.com.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu VT;



**NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT**

**LÊ QUANG TÂM**

